TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/HS-ST
Ngày: 05/07/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*** : Ông Phạm Thế Anh.

- ***Các Hội thẩm nhân dân*** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 21/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị P, sinh năm 1964 ; ĐKHKTT, trú tại: Tổ 6, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đỗ Văn X và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết). Có chồng là Trần Văn T, sinh năm 1959 và 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22 đến ngày 25/02/2019; chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Đoàn Văn X, sinh năm 1965; ĐKHKTT, trú tại: Xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Phạm Hồng M sinh năm 1967 và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không . Lịch sử bản thân:

+ Bản án số 07 ngày 26/3/1994 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 12 tháng tù về tội "Tổ chức dùng chất ma túy", phạt tiền 300.000đ và 50.000đ tiền án phí. Đã được xóa án tích.

+ Bản án số 01 ngày 25/02/1997 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và 50.000đ tiền án phí. Đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí.

+ Bản án số 110 ngày 22/12/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 48 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân" và 100.000đ tiền án phí hình sự, dân sự. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22 đến ngày 25/02/2019 chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; ĐKHKTT, trú tại: Xóm 1, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/10; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1935; có vợ là Trương Thị N, sinh năm 1973 và 02 con; con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa). Bị cáo bị tạm giữ 3 ngày kể từ ngày 22 đến ngày 25/02/2019

4. Phạm Hồng P, sinh năm 1978; ĐKHKTT, trú tại: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn P, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1954; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1983, và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22 đến ngày 25/02/2019 chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

5. Trần Thị H, sinh năm 1979; ĐKHKTT, trú tại: Xóm 5, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: kinh, tôn giáo: thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Văn X, sinh năm 1952 và bà Trần Thị L, sinh năm 1952; Có chồng là Ngô Quốc V, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22 đến ngày 25/02/2019; chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Đức T, sinh năm 1983; ĐKHKTT, trú tại: Xóm 8, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: kinh, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Bội H), sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; Có vợ là Đoàn Thị Kim T, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 22 đến ngày 25/02/2019; chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: xóm 5, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Người làm chứng:

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: tổ 6, phố T, TT. P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Tạ Minh S, sinh năm 1969; Địa chỉ: tổ 8A, phường T, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Phố T, TT. P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Buổi trưa ngày 22/02/2019, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Văn H, Tạ Minh S và chị Đỗ Thị H đến nhà ông Trần Văn T sinh năm 1959 ở tổ 6, phố T, thị trấn P chơi và ăn cơm tại đây. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi ăn cơm xong mọi người ngồi uống nước thì Đỗ Thị P (vợ ông T) nói "hay là anh chị em mình vui xuân tý" thì P, X, H đồng ý. P lấy 02 tấm thảm bằng vải trải trên nền P khách, lấy 01 bộ tú lơ khơ có sẵn ở nhà rồi cùng với P, X, H ngồi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi "Liêng" đặt cược mỗi ván từ 10.000đ đến 100.000đ còn anh S và chị H ngồi trên ghế xem.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, Trần Thị H đến nhà Đỗ Thị P chơi, thấy mọi người đang đánh bạc nên xin chơi cùng thì cả nhóm đồng ý. Khoảng 30 phút sau, Nguyễn Đức T đến nhà ông T thấy mọi người đang chơi T cũng vào đánh bạc cùng mọi người. Đến 16 giờ 42 phút cùng ngày khi cả nhóm đang ngồi đánh bạc thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang; thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.520.000đ; 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và 02 tấm thảm bằng vải.

Ngoài ra tạm giữ trên người các đối tượng số tiền 98.080.000đ (trong đó trên người H 97.850.000đ, X 230.000đ), 06 điện thoại di động các loại (01 điện

thoại Nokia 105, 01 điện Nokia 150, 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 điện thoại Opp0 F5, 01 điện thoại Iphone 6 Plus, 01 điện thoại Iphone 6S) và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1 – 325.03.

Quá trình điều tra xác định trong số tiền 98.080.000đ có 230.000đ của X dùng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc là 5.750.000đ.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện K và Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã trả lại cho Trần Thị H số tiền 40.000.000đ và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 và Iphone 7 Plus. 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 02 tấm thảm bằng vải; 04 điện thoại di động các loại và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1 – 325.03 được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K giải quyết cùng vụ án. Số tiền 63.600.000đ (trong đó 5.750.000đ là tiền đánh bạc, 57.850.000 thu trên người Trần Thị H) được chuyển vào tài khoản của Chi cục THADS huyện K.

Trong qúa trình điều tra Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Nguyễn Đức T đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội. Ngày 15/5/2019, Nguyễn Văn H giao nộp cho Viện kiểm sát 01 Huân chương kháng chiến hạng nhì, 01 giấy tặng chiến sỹ cách mạng mang tên ông Nguyễn Văn H (bố đẻ) và 01 sổ lĩnh tiền trợ cấp người tàn tật hàng tháng mang tên Nguyễn Văn H.

Bản cáo trạng số 26 /CT-VKS ngày 21/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đó truy tố các bị cáo, Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Nguyễn Đức T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật hõnh sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố các bị cáo: Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Nguyễn Đức T phạm tội "Đánh bạc".

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 3 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đỗ Thị P từ 30 đến 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Văn X từ 25 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 phạt bị cáo Phạm Hồng P từ 23 đến 28 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, p, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 20 – 25 triệu đồng.

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 20 – 25 triệu đồng.

+Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 20 – 25 triệu đồng.

- Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b Điều 47 BLHS; khoản 2, Điều 106; khoản 2, 3 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/ NQUBTVQH14.

+ Tịch thu số tiền 5.750.000đ là tiền đánh bạc của các đối tượng sung quỹ nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 02 tấm thảm bằng vải.

+ Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động Nokia 105 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1 – 325.03; trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại di động OPPO F5; trả lại cho T 01 điện thoại Iphone 6 Plus; trả lại cho P 01 điện thoại Iphone 6S và số tiền 57.850.000 thu trên người bị cáo H không dùng để đánh bạc; nhưng số tài sản này tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Buộc các bị cáo Đỗ Thị P, Đoàn Văn X, Phạm Hồng P và Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H là người tàn tật và bị cáo H là hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Tại phiên các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đó thực hiện chiều ngày 22/02/2019 như tóm tắt nội dung vụ án của tòa án. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đó được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản bắt người phàm tội quả tang lập hồi 16 giờ 42 phút ngày 22/02/2019, lời khai của người liên quan, người làm chứng và vật chứng thu giữ là số tiền 5.750.000đ và dụng cụ dùng để đánh bạc là 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 02 tấm thảm bằng vải. Từ những chứng cứ đó, đó có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 42 phút ngày 22/02/2019, tại nhà của ông Trần Văn T ở tổ 6, phố T, thị trấn P, huyện K Đỗ Thị P, Đoàn Văn X, Nguyễn Văn H, Phạm Hồng P, Trần Thị H và Nguyễn Đức T đã có hành vi "Đánh bạc" được thua bằng tiền bằng hình thức chơi "Liêng" với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.750.000đ các bị cáo đó phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp

luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe P ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[3] Trong vụ án này HĐXX thấy: các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có đông bị cáo tham gia nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

Đối với bị cáo Đỗ Thị P là người rủ rê, khởi xướng việc đánh bạc; tham gia đánh bạc ngay từ đầu giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Đoàn Văn X nhân thân nhiều lần bị pháp luật xử phạt về hành vi vi phạm nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, khi P khởi xướng việc chơi bạc biết việc đó là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà tham gia phạm tội, tính chất mức độ của hành vi của bị cáo này giữ vai trũ thứ hai trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Hồng P tuy nhân thân chưa vi phạm pháp luật lần nào nhưng là đối tượng sử dụng số tiền lớn trong nhóm tham gia đánh bạc, tham gia đánh bạc ngay từ đầu thể hiện việc tích cực phạm tội tính chất mức độ của hành vi của bị cáo giữ vai trũ thứ ba trong vụ án.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Thị H và Nguyễn Đức T tham gia đánh bạc sau; nhân thân các bị cáo chưa vi phạm lần nào, số tiền huy động đánh bạc ít ; tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trũ cuối cùng trong vụ án.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s, khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Nguyễn Văn H, Trần Thị H và Nguyễn Đức T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn H là người tàn tật và con của người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo H gia đình thuộc hộ cận nghèo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với đồng phạm với vai trò thứ yếu thỡ thấy rằng:

Đối với các bị cáo Đỗ Thị P, Đoàn Văn X, Phạm Hồng P, Nguyễn Văn H, Trần Thị H và Nguyễn Đức T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Đối với ông Trần Văn Tiến, Tạ Minh Sơn, Đỗ Thị Hoa là người không tham gia đánh bạc nhưng biết việc đánh bạc của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản, không báo cáo hành vi vi pham của các bị cáo với cơ quan chức năng mà còn ngồi xem, mặc dù không phạm tội " không tố giác tội phạm" nhưng chưa thực hiện đúng nghĩa vụ công dân của mình cần nhắc nhở các anh thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện K và Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã trả lại cho Trần Thị H số tiền 40.000.000đ và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 và Iphone 7 Plus; số vật chứng này không liên quan đến vụ án, việc trả lại là phù hợp với quy định tại Điều 47 BLHS và 106 BLTTHS Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với số tiền 5.750.000đ là tiền các bị cáo huy động vào việc đánh bạc căn cứ Điều 47 BLHS và 106 BLTTHS sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 02 tấm thảm bằng vải là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng căn cứ Điều 47 BLHS và 106 BLTTHS cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 105 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1 – 325.03; 01 điện thoại di động OPPO F5; 01 điện thoại Iphone 6 Plus; 01 điện thoại Iphone 6S và số tiền 57.850.000 không dùng để đánh bạc, căn cứ Điều 106 BLTTHS cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8]Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST. Đối với bị cáo H là người tàn tật và bị cáo H là hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Nguyễn Đức T phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 3 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đỗ Thị P 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Văn X 26 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Hồng P 24 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 321; điểm i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị H 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015 Điều 47 BLHS

- Tịch thu số tiền 5.750.000đ sung quỹ nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 02 tấm thảm bằng vải

+ Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động Nokia 105 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1 - 325.03; trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại di động OPPO F5; trả lại cho T 01 điện thoại Iphone 6 Plus; trả lại cho bị cáo P 01 điện thoại Iphone 6S ; trả lại cho bị cáo H số tiền 57.850.000; nhưng số tài sản này tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Đỗ Thị P, Phạm Hồng P, Đoàn Văn X, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H là người tàn tật và bị cáo H là hộ cận nghèo được miễn án phí hình sự.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã N, Q, L, thị trấn P;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà
Phạm Thế Anh
(Đã ký)